

THÔNG BÁO

Quy tắc quy đổi tương đương giữa điểm đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội (HSA), điểm đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) và điểm xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT (học bạ) theo điểm thi tốt nghiệp THPT

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BGDĐT ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn số 2457/BGDĐT-GDDH ngày 19 tháng 5 năm 2025 và Công văn số 2835/BGDĐT-GDDH ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng, rà soát, cung cấp và công bố thông tin tuyển sinh;

Căn cứ Công văn số 4222/BGDĐT-GDDH ngày 21/7/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đối sánh phổ điểm một số tổ hợp điểm thi THPT 2025, điểm học tập bậc THPT;

Căn cứ Phụ lục Phân vị tương đương giữa điểm thi HSA và tổ hợp điểm thi tốt nghiệp THPT A00, B00, C00, D01 năm 2025 ban hành kèm theo Thông báo số 205/TB-ĐTSKT ngày 18/7/2025 của Viện trưởng Viện Đào tạo số và Khảo thí, ĐHQGHN;

Căn cứ Thông báo 3760/TB-ĐHTN ngày 21/7/2025 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về ngưỡng đảm bảo chất lượng (ĐBCL) đầu vào tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2025 và quy đổi tương đương điểm thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) theo điểm thi tốt nghiệp THPT;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên ngày 23/7/2025,

Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên thông báo quy tắc quy đổi tương đương giữa các phương thức xét tuyển: Điểm đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội (HSA), điểm đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) và kết quả học tập cấp THPT (học bạ) theo điểm thi tốt nghiệp THPT như sau:

1. Công thức quy đổi

$$y = c + \frac{(x - a)}{(b - a)} \times (d - c)$$

Trong đó:

y: Điểm quy đổi sang kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025

x: Điểm xét tuyển theo phương thức

a, b: Ngưỡng dưới và ngưỡng trên của khoảng điểm quy đổi theo phương thức

c, d: Ngưỡng dưới và ngưỡng trên của khoảng điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

2. Quy đổi tương đương từ điểm HSA sang điểm thi tốt nghiệp THPT

Thực hiện đối với 3 tổ hợp A00, B00 và D01 theo Bảng 5 của Thông báo số 205/TB-ĐTSKT ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Viện trưởng Viện Đào tạo số và khảo thí, ĐHQGHN theo công thức tại Mục 1. (Bảng quy đổi theo Phụ lục I kèm theo).



Ví dụ: Thí sinh A có điểm thi HSA là **100** điểm, điểm này nằm trong khoảng (98-102) của HSA và nằm trong khoảng (27-27,5) của tổ hợp A00 điểm thi tốt nghiệp THPT. Áp dụng công thức quy đổi trên ta có:

$$\text{Quy đổi tổ hợp A00} = 27 + \frac{(100 - 98)}{(102 - 98)} \times (27,5 - 27) = 27,25 \text{ điểm}$$

3. Quy đổi từ điểm thi đánh giá năng lực đầu vào trên máy tính (V-SAT) sang kết quả thi tốt nghiệp THPT.

Thực hiện quy đổi từng môn học theo Mục III, Công văn số 339/KTĐGQG-PTCCKTĐG, ngày 21/7/2025 của Giám đốc Trung tâm Khảo thí Quốc gia và Đánh giá chất lượng giáo dục theo công thức tại Mục 1. (Bảng quy đổi tại Phụ lục II kèm theo).

Ví dụ: Thí sinh B thi 3 môn của tổ hợp B00 với kết quả 3 môn lần lượt là Toán: **124** điểm; Hóa: **104** điểm; Sinh: **110** điểm, áp dụng công thức quy đổi trên đối với 3 môn:

$$\text{Quy đổi môn Toán} = 7,75 + \frac{(124 - 122,5)}{(128,5 - 122,5)} \times (8,1 - 7,75) = 7,8375 \text{ điểm}$$

$$\text{Quy đổi môn Hóa} = 7,75 + \frac{(104 - 100,5)}{(107,5 - 100,5)} \times (8,25 - 7,75) = 8 \text{ điểm}$$

$$\text{Quy đổi môn Sinh} = 7,5 + \frac{(110 - 105,5)}{(112,5 - 105,5)} \times (7,85 - 7,5) = 7,725 \text{ điểm}$$

$$\text{Tổng điểm tổ hợp B00 sau quy đổi} = 7,8375 + 8 + 7,725 = 23,5625 \text{ điểm}$$

4. Quy đổi từ kết quả học tập cấp THPT sang điểm thi tốt nghiệp THPT

Điểm trung bình học tập THPT 6 kỳ của thí sinh sẽ được quy đổi tương đương từng môn theo công thức tại Mục 1. (dựa vào thông tin trong bảng tại Phụ lục III kèm theo).

Ví dụ: Thí sinh C đăng ký xét tuyển theo điểm kết quả học tập cấp THPT có điểm trung bình 6 kỳ của môn Toán: **8,7**; môn Hóa: **8,4**; môn Sinh: **8,6** được quy đổi tương đương sang điểm thi tốt nghiệp THPT như sau:

$$\text{Quy đổi môn Toán} = 6,25 + \frac{(8,7 - 8,55)}{(8,75 - 8,55)} \times (6,6 - 6,25) = 6,5125 \text{ điểm}$$

$$\text{Quy đổi môn Hóa} = 6,75 + \frac{(8,4 - 8,22)}{(8,46 - 8,22)} \times (7,25 - 6,75) = 7,125 \text{ điểm}$$

$$\text{Quy đổi môn Sinh} = 6,85 + \frac{(8,6 - 8,45)}{(8,65 - 8,45)} \times (7,25 - 6,85) = 7,15 \text{ điểm}$$

$$\text{Tổng điểm tổ hợp B00 sau quy đổi là: } 6,5125 + 7,125 + 7,15 = 20,7875 \text{ điểm}$$

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT, ĐHTN (để b/c);
- HĐTS Trường;
- Ban thư ký HĐTS;
- Website Trường;
- Lưu VT, ĐTKHCN.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PGS. TS. Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC I

Khung quy đổi điểm thi HSA và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo tổ hợp
(Kèm theo Thông báo số 878/TB-ĐHYD, ngày 23/7/2025 của Hiệu trưởng - CT HĐTS)

Tốp (%)	HSA	A00	B00	D01
3*	129	30,00	29,50	27,75
0,5	114	28,75	28,25	26,25
1	111	28,50	28,00	25,75
2	108	28,25	27,57	25,50
3	105	27,75	27,25	25,00
5	102	27,50	26,75	24,50
10	98	27,00	26,25	24,00
20	91	25,75	25,00	22,75
30	86	24,75	23,75	22,00
40	82	23,75	22,85	21,35
50	78	22,75	21,75	20,75
60	74	21,60	20,50	20,00
70	70	20,50	19,25	19,35
80	66	19,20	18,10	18,60
90	60	17,25	15,99	17,50
100	31	7,95	8,82	10,87

Ghi chú:

Tốp điểm thi thống kê thứ hạng điểm thi từ cao xuống thấp.

3*: Tốp 3 thí sinh có điểm thi cao nhất.

PHỤ LỤC II

Khung quy đổi điểm thi V-SAT và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo môn
(Kèm theo Thông báo số 878/TB-ĐHYD, ngày 23/7/2025 của Hiệu trưởng - CT HĐTS)

Bảng 1. Khung quy đổi điểm thi các môn Toán, Hóa học, Sinh học

Tốp (%)	Toán		Hóa học		Sinh học	
	V-SAT	THPT	V-SAT	THPT	V-SAT	THPT
*	150	10	150	10	150	10
3	132,00	8,50	129,00	9,50	130,50	9,00
5	128,50	8,10	124,50	9,25	126,50	8,75
10	122,50	7,75	117,00	8,75	120,50	8,34
20	114,50	7,00	107,50	8,25	112,50	7,85
30	108,00	6,60	100,50	7,75	105,50	7,50
40	102,50	6,25	94,00	7,25	100,00	7,25
50	97,00	6,00	88,00	6,75	94,50	6,85
60	91,00	5,60	81,50	6,25	88,50	6,50
70	85,00	5,25	75,50	5,75	82,50	6,25
80	77,50	5,00	68,50	5,25	76,00	5,85
90	68,00	4,50	59,50	4,60	66,50	5,25
>90	6,00	1,50	20,00	1,35	26,50	2,80

Bảng 2. Khung quy đổi điểm thi các môn Vật lý, Tiếng Anh, Ngữ văn

Tốp (%)	Vật lý		Tiếng Anh		Ngữ văn	
	V-SAT	THPT	V-SAT	THPT	V-SAT	THPT
*	150	10	150	10	150	10
3	123,00	9,50	131,00	7,75	129,50	9,25
5	118,50	9,25	127,50	7,50	127,50	9,00
10	112,50	9,00	120,50	7,00	124,00	9,00
20	105,00	8,50	112,00	6,50	119,50	8,75
30	99,50	8,00	105,00	6,00	115,50	8,50
40	94,50	7,75	98,50	5,75	112,50	8,25
50	90,00	7,50	92,00	5,50	109,00	8,00
60	85,00	7,25	85,50	5,25	106,00	7,75
70	80,00	6,75	78,50	5,00	102,00	7,50
80	74,00	6,35	70,50	4,50	97,00	7,25
90	66,50	5,75	60,00	4,00	90,00	6,75
>90	17,00	3,05	20,50	1,25	5,00	3,50

PHỤ LỤC III
Khung quy đổi kết quả học tập cấp THPT và điểm thi tốt nghiệp THPT
năm 2025 theo môn
(Kèm theo Thông báo số 878/TB-ĐHYD, ngày 23/7/2025 của Hiệu trưởng - CT HĐTS)

Bảng 1. Khung quy đổi các môn Toán, Hóa học, Sinh học

Khoảng	Toán		Hóa học		Sinh học	
	Học bạ	Thi	Học bạ	Thi	Học bạ	Thi
1	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
2	9,51	8,50	9,63	9,60	9,59	9,00
3	9,40	8,10	9,54	9,50	9,51	8,75
4	9,22	7,75	9,37	9,25	9,33	8,34
5	8,96	7,00	9,10	8,75	9,07	7,85
6	8,75	6,60	8,89	8,25	8,86	7,50
7	8,55	6,25	8,68	7,75	8,65	7,25
8	8,34	6,00	8,46	7,25	8,45	6,85
9	8,11	5,60	8,22	6,75	8,23	6,50
10	7,84	5,25	7,94	6,25	7,98	6,25
11	7,49	5,00	7,60	5,75	7,67	5,85
12	6,98	4,50	7,09	5,25	7,26	5,25
13	4,11	1,50	4,43	0,00	4,90	2,80

Bảng 2. Khung quy đổi các môn Vật lí, Tiếng Anh, Ngữ văn

Khoảng	Vật lí		Tiếng Anh		Ngữ văn	
	Học bạ	Thi	Học bạ	Thi	Học bạ	Thi
1	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
2	9,35	9,25	9,16	7,75	9,25	9,25
3	9,23	9,00	8,99	7,50	9,00	9,00
4	9,03	8,50	8,73	7,00	9,00	9,00
5	8,75	8,00	8,38	6,50	8,75	8,75
6	8,51	7,75	8,09	6,00	8,50	8,50
7	8,30	7,50	7,85	5,75	8,25	8,25
8	8,08	7,25	7,61	5,50	8,00	8,00
9	7,85	6,75	7,35	5,25	7,75	7,75
10	7,59	6,35	7,07	5,00	7,50	7,50
11	7,28	5,75	6,75	4,50	7,25	7,25
12	6,84	3,05	6,29	4,00	6,75	6,75
13	4,34	0,00	3,97	1,25	4,61	3,50

(Chữ ký)